

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ KAGAWA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ KAGAWA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KAGAWA ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KAGAWA ENGINEERING .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108165536

3. Ngày thành lập: 09/02/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Km3, Quốc lộ 23B, thôn Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3519 0939

Fax:

Email: cokhikagawa@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
2.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
3.	Đại lý du lịch	7911
4.	Điều hành tua du lịch	7912
5.	Vận tải bằng xe buýt	4920
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
8.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
9.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
10.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
11.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
12.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
14.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
16.	Đúc sắt, thép	2431
17.	Đúc kim loại màu	2432
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
26.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Cho thuê xe có động cơ	7710
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
31.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
32.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
33.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
34.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
35.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
36.	Sản xuất máy luyện kim	2823
37.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp đặt máy móc, vật tư, thiết bị trong các lĩnh vực cơ khí, thiết bị công nghiệp, thiết bị thí nghiệm, đo lường, điện, điện tử, viễn thông, thiết bị phát thanh truyền hình.	3290
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (có hoá chất)	4669

45.	Vận tải hành khách đường bộ khác chi tiết: - Kinh doanh vận tải bằng ô tô - Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô	4932
46.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
47.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
48.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
49.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
50.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
51.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
52.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

6. Vốn điều lệ: 1.690.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN SON	Số nhà 103 Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.000	290.000.000	17,100	013281778	
			Tổng số	29.000	290.000.000	0,000		

2	PHAN LẠC TOÀN	Thôn An Hòa, Xã Tân Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	16,000	112059646	
			Tổng số	27.000	270.000.000	16,000		
3	LƯƠNG THÀNH ĐỘ	59/178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	16,000	027075000081	
			Tổng số	27.000	270.000.000	16,000		
4	LƯU HOÀNG HẢI	148 C14 đường An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	16,000	001082001549	
			Tổng số	27.000	270.000.000	16,000		
5	TRẦN ANH TUÂN	Số 33, ngõ 39 đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	32.000	320.000.000	18,900	012999049	
			Tổng số	32.000	320.000.000	18,900		
6	NGUYỄN HỮU QUYỀN	89A ngách 72/73 phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	16,000	012207884	
			Tổng số	27.000	270.000.000	16,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 05/11/1973

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012999049

Ngày cấp: 12/11/2007 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 33, ngõ 39 đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 33, ngõ 39 đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội